

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định khung giá, quản lý và sử dụng
giá dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Phú Yên
(được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày
14 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của
Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự
nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hoá, dịch vụ;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT (tại Tờ trình số 277/TTr-SNN
ngày 23 tháng 9 năm 2020).*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định khung giá, quản lý và sử dụng giá dịch vụ sử dụng
cảng cá trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Đối tượng áp dụng:

Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý
và sử dụng giá dịch vụ cảng cá trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Mức thu giá dịch vụ

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức giá	
			Mức thu ngày đầu (trộn 24 giờ, kể từ lúc tàu cập cảng) (đồng)	Mức thu từ 08 giờ tiếp theo [Sau ngày đầu tàu cập cảng (ngày kể tiếp/liền kể)] (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Tàu thuyền đánh cá cập cảng cá			
1	Có công suất dưới 20 CV	Một lần vào, ra cảng cá	8.000-10.000	4.000-5.000
2	Có công suất từ 20 CV đến dưới 50 CV		15.000-20.000	8.000-10.000
3	Có công suất từ 50 CV đến dưới 90 CV		30.000-40.000	15.000-20.000
4	Có công suất từ 90 CV đến dưới 200 CV		50.000-70.000	25.000-30.000
5	Có công suất từ 200 CV trở lên		90.000-110.000	50.000-60.000
II	Tàu, thuyền vận tải cập cảng cá			
1	Có trọng tải dưới 5 tấn	Một lần vào, ra cảng cá	12.000-15.000	8.000-10.000
2	Có trọng tải từ 5 tấn đến 10 tấn		25.000-30.000	12.000-15.000
3	Có trọng tải trên 10 tấn đến 100 tấn		70.000-80.000	35.000-40.000
4	Có trọng tải trên 100 tấn		100.000-130.000	50.000-60.000
III	Các phương tiện vận tải qua cảng cá			
1	Xe máy, xe thô sơ	Một lần vào, ra cảng cá	3.000-5.000	
2	Phương tiện có trọng tải dưới 1 tấn		10.000-15.000	6.000-8.000
3	Phương tiện có trọng tải từ 1 tấn đến 2,5 tấn		15.000-25.000	8.000-10.000
4	Phương tiện có trọng tải trên 2,5 tấn đến 5 tấn		30.000-40.000	10.000-15.000
5	Phương tiện có trọng tải trên 5 tấn đến 10 tấn		40.000-50.000	15.000-25.000
6	Phương tiện có trọng tải trên 10 tấn		60.000-70.000	20.000-30.000
IV	Hàng hóa qua cảng cá			
1	Hàng thủy sản, động vật tươi sống	Tấn	20.000-30.000	
2	Hàng hóa là Container	Container	50.000-60.000	
3	Các loại hàng hóa khác	Tấn	10.000-15.000	

Điều 3. Đối tượng miễn thu giá dịch vụ

1. Các đơn vị làm nhiệm vụ đặc biệt như: Bộ đội, Công an, cơ quan bảo vệ nguồn lợi thủy sản có tàu, thuyền vào cập cảng được miễn thu giá dịch vụ nhưng phải đăng ký trước để đơn vị quản lý cảng bố trí vị trí neo đậu.

2. Các tổ chức, cá nhân có tàu thuyền vào khu vực cảng cá để neo đậu trong thời gian có bão, lụt, áp thấp nhiệt đới được miễn giá dịch vụ nhưng phải chấp hành đúng quy định của đơn vị quản lý cảng về vị trí và thời gian neo đậu.

Điều 4. Đơn vị thu giá dịch vụ, quản lý và sử dụng giá dịch vụ

1. Đơn vị thu giá dịch vụ: Ban Quản lý cảng cá.

2. Quản lý và sử dụng giá dịch vụ thu được:

Giá dịch vụ sử dụng cảng cá được xác định là doanh thu của đơn vị thu giá dịch vụ. Đơn vị thu giá dịch vụ có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật đối với số tiền thu được và có quyền quản lý, sử dụng số tiền thu được sau khi đã nộp thuế theo quy định của pháp luật.

Hàng năm, đơn vị thu giá dịch vụ phải thực hiện quyết toán thuế đối với số tiền giá dịch vụ sử dụng cảng cá thu được với kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh khác (nếu có) với cơ quan thuế theo quy định hiện hành.

Điều 5. Hiệu lực Quyết định

Quyết định có hiệu lực từ ngày 01/01/2021. Quyết định này thay thế Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh về khung giá, quản lý

và sử dụng giá dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh (được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước).

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Cục Kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế-Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế-Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ban KTNS-HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Phòng XDKT&TDTHPL-Sở Tư pháp;
- Trung tâm Truyền thông tỉnh;
- Lưu: VT, KT, HgA_{QĐ}

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Tấn Hồ